

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

PHẨM VĂN TỰ

THỨ MƯỜI BA

Phật bảo Ca-Diếp Bồ-Tát: “Bao nhiêu những dị luận, chú thuật, ngôn ngữ, văn tự, đều là của Phật nói, chẳng phải của ngoại đạo nói”.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật: “Thế-Tôn! Đức Như-Lai nói văn tự căn bản ra thế nào?”

Phật nói: Này Thiện-nam-tử! Ban đầu nói bán tự để làm căn bản, để ghi nhận những thật pháp, như ký luận, chú thuật, văn chương, các âm. Hạng phàm phu học bán tự căn bản này mới biết được những pháp đó là chẳng phải pháp”.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật: “Thế-Tôn! Bán tự của Phật nói nghĩa như thế nào? “

Nầy Thiện-nam-tử! Có mười bốn âm gọi là nghĩa của bán tự.

Tự ở đây nói gọi là Niết-Bàn. Vì là thường, nên chẳng lưu chuyển. Nếu chẳng lưu chuyển, thì là vô tận. Vô tận chính là thân kim cang của Như-Lai.

Mười bốn âm là căn bản của tự.

A (giọng ngắn), là chẳng phá hoại, chẳng phá hoại gọi là Tam-bảo, dụ như chất kim cang. Lại A là chẳng lưu-dật, chẳng lưu-dật tức là Như-Lai. Vì cửu-khiếu của Như-Lai không có chảy ra, nên là chẳng lưu dật. Lại không có cửu-khiếu, nên chẳng lưu dật. Chẳng lưu dật, thì là thường, thường chính là Như-Lai. Vì thế Như-Lai không tạo tác, nên chẳng lưu dật. Lại A gọi là công đức, công đức tức là Tam-bảo, nên gọi là A.

A (giọng dài), gọi là A-Xà-Lê, A-Xà-Lê nghĩa là gì? Chính là người được trong đời gọi là bậc Thánh. Thánh là không chấp trước,

thiếu-dục, tri-túc, thanh tịnh, có thể cứu độ chúng sanh thoát khỏi biển lớn sanh tử trong ba cõi.

Lại A là chế độ, Tu trì giới thanh tịnh, tùy thuận oai nghi. Lại A là nương nơi thánh nhân để học oai nghi, đứng, đi, hành động, cúng dường, cung kính, lễ bái Tam bảo, thảo nuôi cha mẹ. Và hàng thiện nam, cùng thiện nữ học tập Đại-thừa, thọ trì đủ cấm giới, và các vị đại Bồ-Tát, đây gọi là Thánh-nhân.

Lại A là giáo hối. Như nói các người phải làm như thế này, chẳng nên làm như thế này. Nếu có thể ngăn dứt những điều chẳng phải oai nghi, thì gọi là Thánh-nhân. Vì thế nên gọi là A.

Y (giọng ngấn), là Phật pháp. Hạnh thanh tịnh rộng lớn, trong sạch không như như mặt trăng tròn, các người nên làm như vậy, chẳng được làm như vậy, nghĩa này phải,

nghĩa này chẳng phải, đây là lời Phật nói, đây là lời ma nói. Vì thế nên gọi là Y.

Y (giọng dài), là Phật pháp vi diệu rất sâu khó được. Như Đại-Tự-Tại-Thiên, Đại-Phạm-Thiên-Vương gọi rằng tự tại. Nếu có thể thọ trì Phật pháp, thì gọi là hộ pháp.

Lại tự-tại chỉ cho bốn bậc hộ-thế, bốn bậc tự tại này thì có thể nhiếp hộ kinh Đại-Niết-Bàn cũng có thể tự tại tuyên dương giảng thuyết.

Lại Y là có thể vì chúng sanh thuyết pháp tự tại.

Lại Y là vì được tự tại nên thuyết pháp tức là tu tập kinh điển Đại-thừa Phương-Đẳng.

Lại Y là dứt tận gốc, như dọn sạch cỏ rác, đều có thể làm cho trở thành tốt lành. Vì thế nên gọi là Y.

ƯU (giọng ngắn), là tối thượng, tối thắng, tăng trưởng thượng thượng trong các kinh tức là Đại-Niết-Bàn.

Lại Ưu là Như-Lai tánh, hàng Thanh-văn, Duyên-Giác chưa từng nghe biết. Như Bắc-Câu-Lô châu hơn hết các châu. Bồ-Tát nếu nghe thọ được kinh này, thì là tối thắng, tối thượng đối với tất cả đại chúng. Vì thế nên gọi là Ưu.

UU UU (giọng dài), ví như sữa bò hơn hết trong các thức ăn. Như-Lai tánh cũng vậy, là tối tôn tối thượng ở trong các kinh. Nếu có kẻ chê bai hủy báng Như-Lai tánh phải biết người này không khác với bò.

Lại Ưu ưu là nói người trên đây là kẻ không có trí huệ chánh niệm, chê bai tạt Như-Lai tạng Như-Lai bí mật. Người này rất đáng thương xót ngoài tạng Như-Lai bí mật mà nói không ngã, không pháp. Vì thế nên gọi là Ưu ưu.

YÊN là Phật tánh Niết-Bàn.

Dã là nghĩa Như-Lai. Lại Dã là Như-Lai đứng, đi, cử động không gì chẳng lợi ích tất cả chúng sanh, vì thế nên gọi là Dã.

Ô là nghĩa phiền não. Phiền não gọi là những hữu lậu. Đức Như-Lai dứt hẳn tất cả phiền não, vì thế nên gọi là Ô.

PHÁO, là nghĩa Đại-thừa, nghĩa rốt ráo trong mười bốn âm. Kinh điển Đại-thừa cũng vậy, là rốt ráo trong các kinh luận. Vì thế nên gọi là Pháo.

AM, có thể ngăn tất cả những vật bất tịnh, nơi trong Phật pháp có thể bỏ tất cả vàng bạc, châu báu, vì thế nên gọi là Am.

Ă, là nghĩa thắng thừa. Kinh điển Đại-thừa Đại-Niết-Bàn đây hơn hết trong các kinh vì thế nên gọi là .

CA, đối với các chúng sanh khởi lòng từ bi tưởng như con ruột như La-Hầu-La làm những việc nghĩa, lành tốt đẹp, vì thế nên gọi là Ca.

KHU, gọi là bạn chẳng lành. Bạn chẳng lành gọi là dơ dáy, chẳng tin tạc Như-Lai bí mật. Vì thế nên gọi là Khư.

DÀ, gọi là tạc. Tức là tạc Như-Lai bí mật. Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh vì thế nên gọi là Đà.

RẰNG, là âm vận thường hằng của Như-Lai tức là Như-Lai thường trụ chẳng biến đổi. Vì thế nên gọi là Răng.

NGA, là tướng phá hoại của tất cả các hành pháp.

GIÁ, nghĩa là tu. Điều phục tất cả chúng sanh gọi đó là tu. Vì thế nên gọi là Giá.

XA, Như-Lai che chở tất cả chúng sanh dụ như cây lọng lớn. Vì thế nên gọi là Xa.

XÀ, là chánh giải thoát không có tướng già, vì thế nên gọi là Xà.

THÀ, là Phiền não rậm rạp như lùm rừng vì thế nên gọi là Thà.

NHÃ, là nghĩa trí huệ, biết pháp tánh chơn thật. Vì thế nên gọi là Nhã.

TRA, là ở nơi cõi Diêm-Phù-Đề thị hiện bán thân mà thuyết pháp, ví như bán nguyệt, vì thế nên gọi là Tra.

TRẠCH, là pháp thân đầy đủ ví như mãn nguyệt, vì thế nên gọi là Trạch.

TRÀ, là ngu si Tăng, chẳng biết thường, cùng với vô thường ví như trẻ nít vì thế nên gọi là Trà.

TỔ, là chẳng biết ơn thầy, ví như con dê đực vì thế nên gọi là Tổ.

NOA, là nghĩa chẳng phải Thánh, dụ như ngoại đạo, vì thế nên gọi là Noa.

ĐA, đức Như-Lai một lúc kia bảo các Tỳ-Kheo, các ông nên lìa sự kinh sợ, sẽ vì các ông nói Pháp vi diệu, vì thế nên gọi là Đa.

THA, là nghĩa ngu si, chúng sanh lưu chuyển trong dòng sanh tử, như tấm làm kén, như bộ ngựa làm ổ. Vì thế nên gọi là Tha.

ĐÀ, là bổ thí lớn, tức là Đại-thừa, vì thế nên gọi là Đà.

ĐẠN, là khen ngợi công đức, tức là Tam-Bảo, như núi Tu-Di cao vọi rộng lớn, không có nghiêng ngã cho nên gọi là Đạn.

NA, là Tam-Bảo an trụ không có nghiêng động, ví như ngạch cửa, nên gọi là Na.

BA, là nghĩa điên đảo, như nói, Tam-Bảo thấy đều dứt mất, nên biết người này là tự nghi hoặc điên đảo, vì thế nên gọi là Ba.

PHẢ, là tai họa thế gian nếu nói rằng lúc tai họa thế gian khởi lên thì Tam-bảo cũng dứt mất, nên biết người này là kẻ ngu si vô trí, trái với ý nghĩa của Thánh-nhân. Vì thế nên gọi là Phả.

BÀ, là mười trí lực của Phật.

PHẠM, là gánh nặng, có thể kham nhiệm gánh mang chánh pháp vô thượng nên biết người này là đại Bồ-Tát. Vì thế nên gọi là Phạm.

MA, là chế độ nghiêm tuấn của Bồ-Tát, tức là Đại-thừa. Đại Niết-Bàn. Vì thế nên gọi là Ma.

GIA, là các vị Bồ-Tát, ở mọi nơi chỗ, vì các chúng sanh nói pháp Đại-thừa. Vì thế nên gọi là Gia.

RA, là có thể phá hoại tham dục, sân hận, ngu si mà nói pháp chơn thật. Vì thế nên gọi là Ra.

LÀ, là Thanh-văn-thừa động chuyển chẳng dừng, đại-thừa bền vững không có lay động. Bồ Thanh-văn-thừa, siêng năng tu tập vô thượng đại-thừa. Vì thế nên gọi là Là.

HÒA, đức Như-Lai Thế-Tôn vì các chúng sanh rưới mưa pháp lớn, như những

chú thuật, kinh sách thế gian. Vì thế nên gọi là Hòa.

SA, xa lìa ba mũi tên độc, vì thế nên gọi là Sa.

SÁ là, nghĩa đầy đủ, nếu nghe được kinh Đại-Niết-Bàn này, thì là đã được nghe và thọ trì tất cả kinh điển đại-thừa, vì thế nên gọi là Sá.

TA, vì các chúng sanh diễn nói chánh pháp làm cho lòng họ vui mừng nên gọi là Ta.

HA, là tâm hoan hỷ, lạ lòng thay đức Thế-Tôn rời tất cả hành vi. Lạ thay đức Như-Lai nhập Niết Bàn. Vì thế nên gọi là Ha.

LA, là nghĩa ma, vô lượng loài ma không thể hủy hoại tạng bí mật của Như-Lai cho nên gọi là LA. Lại La là nhấn đến thị hiện tùy thuận thế gian, mà có cha mẹ vợ con. Vì thế nên gọi là La.

LỖ, LƯU, LƯ, LÂU, bốn chữ như vậy nói có bốn nghĩa tức là Phạt, Pháp, Tăng và

đôi pháp. Đôi pháp là tùy thuận thế gian, như Đê-Bà Đạt-Đa thị hiện phá Tăng, hóa làm các thứ hình dáng sắc-tượng để làm duyên cho Phật chế giới. Người trí rõ thấu chẳng nên đối với việc này mà sanh lòng sợ sệt. Đây gọi là những hành vi tùy thuận thế gian vì thế nên gọi là Lỗ, Lư, Lư, Lâu.

Hít khí trời cuống lưỡi theo tiếng lỗ mũi tiếng dài, ngắn, cao, thấp theo giọng nói để giải bày ý nghĩa đều do lưỡi, răng mà có sai khác. Những chữ nghĩa như vậy có thể làm cho chúng sanh khẩu nghiệp thanh tịnh.

Phật tánh của chúng sanh thì không phải nhờ nơi văn tự rồi sau mới được thanh tịnh, vì Phật tánh vẫn thanh tịnh, nên dầu ở trong ngũ âm, lục nhập, thập bát giới, nhưng chẳng đồng với ngũ âm, lục nhập, thập bát giới. Vì thế nên chúng sanh đều phải quy y.

Các vị Bồ-Tát do nơi Phật tánh mà đều coi chúng sanh bình đẳng như nhau không có sai khác.

Vì thế nên bán tự làm căn bản của những kinh sách, ký luận, văn chương.

Lại nghĩa của bán tự đều là căn bản của phiên ngữ ngôn thuyết.

Nghĩa của mãn tự thì là căn bản của tất cả thiện pháp ngôn thuyết.

Ví như trong đời, người làm ác gọi là bán nhân, người tu hành gọi là mãn nhân. Cũng vậy, tất cả kinh sách ký luận đều do bán tự làm căn bản.

Nếu nói Như-Lai là chánh giải thoát, vào trong phạm vi bán tự, lời nói này không đúng. Vì Như-Lai và chánh giải thoát rời danh tự. Do đó nên đức Như-Lai đối với tất cả pháp, không chướng ngại, không đắm trước mà được chơn thật giải thoát.

Thế nào gọi là hiểu rõ chữ nghĩa? Có người biết đức Như-Lai hiện ra nơi đời có thể dứt được bán tự, nên gọi là hiểu rõ chữ nghĩa.

Nếu có kẻ chạy theo nghĩa bán tự thì người này chẳng biết được tánh Như-Lai.

Thế nào gọi là nghĩa vô tự? Người gần gũi tu tập pháp bất thiện, đây gọi là vô tự. Lại người vô tự dầu có thể gần gũi tu tập pháp lành, nhưng chẳng biết Như-Lai là thường cùng vô thường, hằng cùng chẳng phải hằng, chẳng biết Pháp và Tăng, luật cùng phi luật, kinh cùng chẳng phải kinh, chẳng biết lời ma, lời Phật. Nếu người không thể phân biệt rõ biết như vậy, thì gọi là chạy theo nghĩa vô tự.

Nay ta đã nói, chạy theo nghĩa vô tự như vậy, cùng nghĩa bán tự và mãn tự, nên các ông phải rời bán-tự khéo hiểu mãn tự.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật: “Thế-Tôn! Chúng tôi phải nên khéo học tự số. Nay tôi

được gặp ngay Đức Thầy vô thượng, đã lãnh thọ những lời dạy bảo ân cần của Như-Lai.”

Đức Phật khen ngợi Ca-Diếp Bồ-Tát: “Lành thay! Lành Thay! Người ưa thích chánh-pháp phải học như vậy.”